

Số: 13/2020/QĐST-HNGĐ

Gia Nghĩa, ngày 15 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn Đắc Tân, xã Đắc Nía, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Chị Vàng Thị Th, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn Đắc Tân, xã Đắc Nía, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc H và chị Vàng Thị Th là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 20/6/2011 do Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa), tỉnh Đắk Nông cấp.

[2] Theo đơn yêu cầu đề ngày 29/4/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 6 năm 2020, anh Nguyễn Ngọc H và chị Vàng Thị Th yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Vàng Thị Th thỏa thuận giao con chung là Nguyễn

Thị Thủy T, sinh ngày 16/8/2011 cho anh Nguyễn Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Tiên đủ 18 tuổi; giao con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2015 cho chị Vàng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Tuyền đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Vàng Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, anh Nguyễn Ngọc H và chị Vàng Thị Th thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Vàng Thị Th thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày 15/6/2020, giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 20/6/2011 do Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa), tỉnh Đắk Nông cấp cho anh Nguyễn Ngọc H và chị Vàng Thị Th không còn giá trị pháp lý .

- Về con chung: Giao Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 16/8/2011 cho anh Nguyễn Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2015 cho chị Vàng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Tuyền đủ 18 tuổi.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Vàng Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Vàng Thị Th phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002175 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Đã ký